

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Ngô Thị Thom

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Luyện Quang H**, sinh năm 1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư S, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Số nhà B, xóm B 2-1-12, huyện T, thành phố S, Nhật Bản.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị H1**, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư S, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đà Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu dân cư S, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Anh H, chị H1 và bà L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Luyện Quang H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: A và chị Phạm Thị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/02/2009. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng năm 2015 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, hai bên hết tình cảm với nhau. Mặc dù anh và chị H1 đã nhiều lần cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Hiện tại anh đang làm việc và sinh sống ổn định tại Nhật Bản, còn chị H1 sinh sống và làm việc ổn định tại Đài Loan. Anh và chị H1 đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh ly hôn với chị H1 để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh và chị H1 có 02 con chung là cháu Luyện Xuân G, sinh ngày 02/11/2011 và cháu Luyện Văn D, sinh ngày 15/8/2015 hiện nay đang ở cùng với bà nội là bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh H) chăm sóc và nuôi dưỡng từ năm 2022 tới nay tại địa chỉ: Khu dân cư S, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, anh đề nghị giao cả hai con chung cho anh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh không ở trong nước, tạm giao hai cháu cho bà nội là bà Nguyễn Thị L thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi anh về nước. Hàng tháng anh sẽ gửi tiền về để chăm sóc các con. Anh không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị H1 ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình chị H1. Bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn M (là bố mẹ đẻ của chị H1) trình bày: Ông bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị H1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình ông bà qua điện thoại. Ông bà đã thông báo cho chị H1 biết việc anh H có đơn xin ly hôn, quan điểm của chị H1 là đồng ý ly hôn với anh H. Quá trình chung sống, ông bà cũng nhiều lần nghe con gái kể giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cụ thể thì ông bà không nắm được, quan điểm của gia đình đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị đồng ý giao 02 con chung là cháu Luyện Xuân G, sinh ngày 02/11/2011 và cháu Luyện Văn D, sinh ngày 15/8/2015 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, trong thời gian anh H không ở trong nước tạm giao cho bà nội là bà Nguyễn Thị L chăm sóc thay anh H cho đến khi anh H về nước, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963, địa chỉ: Khu dân cư S, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương khai: Trong quá trình chung sống anh H và chị H1 đã có mâu thuẫn từ lâu, không thể hàn gắn được do nghi ngờ nhau không chung thủy. đề nghị giải quyết cho anh H chị H1 ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. 02 con chung của anh chị là Luyện Xuân G và cháu Luyện Văn D hiện đang ở với bà L. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh H, giao 02 con cho anh trực tiếp

nuôi dưỡng thì gia đình bà L đồng ý nhận chăm sóc và nuôi dưỡng con chung thay anh H đến khi anh về nước.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn chị H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L có quan điểm xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Luyện Quang H ly hôn chị Phạm Thị H1; Giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Luyện Xuân G, sinh ngày 02/11/2011 và Luyện Văn D, sinh ngày 15/8/2015 cho đến khi trưởng thành. Trong thời gian anh H không ở trong nước, tạm giao cháu G và cháu D cho bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh H) thay anh chăm sóc đến khi anh H về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Luyện Quang H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Phạm Thị H1. Anh H hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản, chị H1 hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh đều tại khu dân cư S, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị H1 tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu bố mẹ đẻ của chị H1 cung cấp địa chỉ của chị H1 ở nước ngoài cho Tòa án, nhưng bố mẹ đẻ của chị H1 không cung cấp được và cho biết chị H1 vẫn liên lạc về gia đình, được thông báo về việc anh H có đơn khởi kiện xin ly hôn, chị H1 không cung cấp địa chỉ cũng như gửi văn bản trình về cho Tòa án. Do vậy, theo hướng dẫn của tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L có quan điểm xin vắng

mặt, chị H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị H1 và bà L.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Luyện Quang H, chị Phạm Thị H1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại phường P, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 10/02/2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng năm 2015 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống. Mặc dù anh H và chị H1 đã nhiều lần cố gắng tự hòa giải và được gia đình đôi bên hoà giải nhưng không thành. Hiện tại anh H đang làm việc và sinh sống ổn định tại Nhật Bản, còn chị H1 sinh sống và làm việc ổn định tại Đài Loan, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H1 để sớm ổn định cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh H được ly hôn chị H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh H và chị H1 có 02 con chung cháu Luyện Xuân G, sinh ngày 02/11/2011 và cháu Luyện Văn D, sinh ngày 15/8/2015 đang sống ổn định cùng với bà nội là bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh H) từ năm 2022 tới nay tại địa chỉ: Khu dân cư S, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Cả hai con đều có quan điểm được ở với bố nên cần chấp nhận yêu cầu của anh H, Giao cho anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi trưởng thành, trong thời gian anh H không ở trong nước tạm giao con chung cho bà nội là bà Nguyễn Thị L thay anh chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi anh về nước là đảm bảo cho các con chung của anh H và chị H1 được hưởng điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh.

Chị Phạm Thị H1 được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4

Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Luyện Quang H được ly hôn chị Phạm Thị H1.

2. Về con chung: Giao cho anh Luyện Quang H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Luyện Xuân G, sinh ngày 02/11/2011 và cháu Luyện Văn D, sinh ngày 15/8/2015, thời gian từ tháng 04/2024 cho đến khi con chung trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Phạm Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Luyện Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000462 ngày 21/02/2024 (anh H đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường phường Phả Lại, TP Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường

